

Số: 570 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư “Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 884/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Văn bản số 663/HĐXD-QLKT ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư “Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường”;

Xét đề nghị của Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 07/TTr-ĐTBDCTD ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt dự án Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường.

2. Chủ đầu tư: Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: tăng cường cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị cho Trường Đào tạo Bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường phục vụ công tác nghiên cứu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tài nguyên và môi trường phù hợp với định hướng phát triển của ngành tài nguyên và môi trường.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: đầu tư xây dựng mới 01 công trình 03 tầng nổi, 01 tầng hầm; tổng diện tích sàn khoảng 7.500 m² (không bao gồm diện tích tầng hầm); các thiết bị nội thất công trình; trang thiết bị đào tạo, giảng dạy và hạ tầng kỹ thuật công trình đồng bộ trên khuôn viên ô đất khoảng 5.600 m² tại khu đất số 79 đường Văn Tiến Dũng, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Quốc tế InterBuild.

6. Chủ nhiệm lập dự án: KTS. Đinh Thị Hồng Quyên.

7. Địa Điểm xây dựng: số 79 đường Văn Tiến Dũng, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

8. Diện tích sử dụng đất: khoảng 5.600 m².

9. Loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng:

a. Thiết kế kiến trúc:

- Tầng hầm cao 3,6m (phần dưới mặt đất cao 2,85m), diện tích sàn 2.970m²; bố trí khu vực để xe máy, ô tô, các phòng kỹ thuật, bể nước ngầm.

- Tầng 1 cao 3,9m, diện tích sàn 2.500m²; bố trí sảnh chính, sảnh phụ, lễ tân, phòng khánh tiết, phòng truyền thống, phòng họp, phòng phó hiệu trưởng, và một số phòng chức năng khác.

- Tầng 2 cao 3,6m, diện tích sàn 2.500m²; bố trí các giảng đường, lớp học, khu giải lao cho người học, phòng họp giao ban, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, và một số phòng chức năng khác.

- Tầng 3 cao 3,6m, diện tích sàn 2.500m²; bố trí hội trường 300 chỗ (gồm khán đài, sân khấu, kỹ thuật – phụ trợ), khu căng tin (gồm các phòng ăn lớn, phòng ăn nhỏ, khu bếp), khu giải lao, phòng phó hiệu trưởng và một số phòng chức năng khác.

c. Thiết kế kết cấu.

- Móng công trình sử dụng giải pháp móng bè, dầm giằng móng bê tông cốt thép (BTCT) đặt trên nền tự nhiên.

- Kết cấu phần thân công trình là hệ khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối.

d. Thiết kế điện: Nguồn điện được lấy từ điểm đầu nối khu vực trên đường Văn Tiến Dũng đến trạm biến áp loại kios công suất 560kVA của dự án đến tủ điện tổng đặt tại tầng hầm công trình, sau đó phân phối tới các khu vực tiêu thụ điện. Bố trí 01 máy phát điện công suất 550kVA đặt gần trạm biến áp và đường tạm phía Đông Nam lô đất để cấp điện cho công trình thông qua hệ thống liên động cơ điện khi xảy ra sự cố hoặc mất điện lưới.

đ. Thiết kế cấp thoát nước:

- Phương án cấp nước: nguồn nước được lấy từ mạng cấp nước khu vực dự kiến trên đường Văn Tiến Dũng qua đồng hồ đo lưu lượng tổng vào bể ngầm đặt tại tầng hầm, sau đó được bơm lên các két nước trên mái công trình, rồi phân phối tới các điểm tiêu thụ.

- Phương án thoát nước thải: nước thải từ các xí, tiểu thoát qua một đường ống vào bể tự hoại đặt ngoài công trình để xử lý sơ bộ, theo hệ thống thoát ngoài công trình đầu nối với hệ thống thoát nước thải đã xây dựng trong khuôn viên khu đất dẫn ra cống thoát trên đường Văn Tiến Dũng. Nước thải từ các chậu rửa và sàn thoát qua một đường ống vào hố ga sau bể tự hoại, theo hệ thống thoát ngoài công trình đầu nối với hệ thống thoát nước thải đã xây dựng trong khuôn viên khu đất dẫn ra cống thoát trên đường Văn Tiến Dũng.

- Phương án thoát nước mưa: nước mưa từ sân đường, mái, sân thượng, ban công được thoát vào các hố ga thu nước mưa và cống thoát nước mưa bên ngoài công trình, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa đã xây dựng trong khuôn viên khu đất dẫn ra cống thoát trên đường Văn Tiến Dũng.

e. Các hệ thống kỹ thuật khác của công trình: Công trình được thiết kế các hệ thống điện nhẹ, điều hòa không khí và thông gió, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

12. Tổng mức đầu tư: 170.383.513.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 91.448.887.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 53.599.170.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 2.480.549.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 6.065.976.000 đồng
- Chi phí khác: 1.273.867.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 15.515.064.000 đồng

Chi tiết tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục đính kèm theo.

13. Nguồn vốn đầu tư: vốn đầu tư công nguồn Ngân sách nhà nước.

14. Hình thức quản lý dự án: sử dụng Ban quản lý dự án chuyên ngành.

15. Thời gian thực hiện dự án: năm 2021 - 2024.

Chi tiết Hồ sơ dự án đầu tư “Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường” được Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Quốc tế InterBuild lập, Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng thẩm định kèm theo Công văn số 663/HĐXD-QLKT ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC. PHg.





KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT
TRƯỜNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày / /2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Giá trị	Ghi chú
I	Chi phí xây dựng	Gxl	91.448.887.000	
1	Phân thân		40.528.013.000	
2	Tầng hầm		38.207.035.000	
3	Hạ tầng kỹ thuật tiên tiến phần nổi và tầng hầm (ĐHKK; thông gió; báo cháy, chữa cháy ...)		3.298.050.000	
4	Hạ tầng kỹ thuật, sân đường nội bộ, cây xanh cảnh quan		6.975.000.000	
5	Các công trình ngoài khuôn viên khu đất (các tuyến đường quy hoạch trong khu vực)		2.440.789.000	
II	Chi phí thiết bị	G_{TB}	53.599.170.000	
1	Thiết bị công trình		7.615.350.000	
	Thiết bị phần nổi		3.375.000.000	
	Thiết bị hệ thống kỹ thuật tiên tiến phần nổi và tầng hầm (ĐHKK, thông gió, ...)		4.240.350.000	
2	Thiết bị văn phòng		1.072.060.000	
3	Thiết bị phục vụ giảng dạy		44.911.760.000	
III	Chi phí quản lý dự án	G_{qlđ}	2.480.549.000	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G_{tv}	6.065.976.000	
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		707.850.000	
2	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT lập báo cáo nghiên cứu khả thi		5.824.000	
3	Thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi		2.200.000	
4	Chi phí khảo sát địa chất		420.000.000	
5	Chi phí thiết kế		2.128.544.000	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế		139.717.000	
7	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng		136.048.000	
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết kế		14.082.000	
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng		137.115.000	

TT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Giá trị	Ghi chú
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm, lắp đặt thiết bị		100.769.000	
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng		1.869.218.000	
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		322.159.000	
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT giám sát xây dựng và mua sắm LĐ thiết bị		15.348.000	
14	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng		17.102.000	
15	Chi phí thẩm định giá thiết bị		50.000.000	
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk	1.273.867.000	
1	Phí, phụ phí Bảo hiểm công trình		164.608.000	
2	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi		11.000.000	
3	Phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC		7.920.000	
4	Phí thẩm định thiết kế		77.675.000	
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng		75.452.000	
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán VĐT		169.364.000	
7	Chi phí kiểm toán		563.400.000	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu thiết kế BVTC, DT		1.100.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thiết kế BVTC, DT		1.100.000	
10	Chi phí thẩm định HSMT lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng		45.724.000	
11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng		45.724.000	
12	Chi phí thẩm định HSMT lựa chọn nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị		26.800.000	
13	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị		26.800.000	
14	Chi phí thẩm định HSMT lựa chọn nhà thầu giám sát thi công và lắp đặt thiết bị		1.100.000	
15	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công và lắp đặt thiết bị		1.100.000	
16	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình		55.000.000	
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	15.515.064.000	
	Dự phòng khối lượng công việc phát sinh		15.515.064.000	
	Tổng cộng		170.383.513.000	

Bảng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, năm trăm mười ba ngàn đồng./.